
CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Trần Quang Tiên

Học viện Phụ nữ Việt Nam

Email: tranquangtien@vwa.edu.vn

Phùng Thị Quỳnh Trang

Học viện Phụ nữ Việt Nam

Email: trangptq@vwa.edu.vn

Mã bài báo: JED-937

Ngày nhận: 23/09/2022

Ngày nhận bản sửa: 31/10/2022

Ngày duyệt đăng: 12/01/2023

Tóm tắt:

Trong 10 năm gần đây, hoạt động khởi nghiệp ngày càng phát triển mạnh mẽ, có sự phục hồi sau đại dịch COVID-19. Trong bối cảnh đó, phụ nữ khởi nghiệp cũng đạt được những kết quả ấn tượng, từng bước khẳng định tiềm năng của phụ nữ trong hoạt động kinh tế. Mặc dù vậy, hệ sinh thái khởi nghiệp cho phụ nữ mới đang dần được hình thành, còn nhiều vấn đề cần hoàn thiện, trong đó có chính sách hỗ trợ khởi nghiệp. Bài viết phân tích các chính sách tài chính của Việt Nam tác động đến khởi nghiệp của phụ nữ cũng như phân tích cảm nhận của các bên liên quan về chính sách tài chính thông qua kết quả khảo sát 132 phụ nữ khởi nghiệp tại 19 tỉnh, thành phố. Kết quả nghiên cứu cho thấy cần thiết phải thay đổi chính sách để tăng tỷ lệ phụ nữ khởi nghiệp tiếp cận tín dụng, giúp phụ nữ khởi nghiệp vay vốn lớn hơn, thời gian dài hơn và có những chính sách để các quỹ đầu tư mở rộng loại hình khởi nghiệp được tiếp cận tài chính thay vì chỉ ưu tiên cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Chính sách trợ cấp, thuế cũng như hỗ trợ quản lý tài chính khác cũng là những giải pháp nâng cao tỷ lệ phụ nữ khởi nghiệp cũng như cải thiện tỷ lệ khởi nghiệp thành công.

Từ khóa: Trao quyền kinh tế, khởi nghiệp, chính sách tài chính, Phụ nữ.

Mã JEL: M13, M38, L26.

Financial policies supporting women's entrepreneurship in Vietnam

Abstract:

For the past 10 years, entrepreneurship has developed strongly and gained a recovery after the COVID-19 pandemic. In this context, Vietnamese women's entrepreneurship has also achieved impressive results, gradually affirming the potential of women in economic development. However, the start-up ecosystem for women is only gradually being formed, and there are still many issues to be improved, including the policy framework and legislation to support female start-ups. This study focuses on analyzing the current financial policies and laws of Vietnam that have impacts on women's entrepreneurship as well as analyzing the perceptions of stakeholders about entrepreneurial finance policies through the survey results of 132 women starting a business in 19 cities and provinces. The results show the need for policy changes to increase the percentage of women entrepreneurs' access to credit, helping them borrow larger credits in longer duration and have better policies that request investment funds allow more women entrepreneurs access to finance instead of just giving priority to innovative startups. Policies on government subsidies, taxes as well as other financial management support are also solutions that contribute to increasing the percentage of women starting a business as well as improving the success rate of startups.

Keywords: Economic empowerment, entrepreneurship, financial policy, women.

JEL Codes: M13, M38, L26.

1. Đặt vấn đề

Theo Bộ Kế hoạch & Đầu tư, trong giai đoạn 2016 - 2019, mỗi năm Việt Nam có trên 126.000 doanh nghiệp mới, tăng gấp 1,6 lần so với giai đoạn 2011-2015. Thống kê của Tạp chí Echelon (Singapore), Việt Nam hiện có trên 3.000 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; gần 50 cơ sở ươm tạo khởi nghiệp, tổ chức thúc đẩy kinh doanh và khoảng 40 quỹ đầu tư mạo hiểm. Bên cạnh đó, Cơ quan Thương mại và Đầu tư của Chính phủ Australia kết luận Việt Nam đứng thứ 3 Đông Nam Á về số lượng các doanh nghiệp khởi nghiệp, top 20 nền kinh tế có tinh thần khởi nghiệp dẫn đầu. Mặc dù đại dịch COVID-19 nhưng vốn đầu tư mạo hiểm cho các start-up Việt Nam năm 2021 vẫn đạt được mức cao kỷ lục 1,4 tỷ USD, gấp 3 lần năm 2020, gấp 1,5 lần năm 2019 và đạt 165 thương vụ đầu tư - con số cao nhất từ trước đến nay. Tuy nhiên, Việt Nam lại nằm trong 20 nước có khả năng thực hiện kế hoạch kinh doanh thấp nhất, chỉ khoảng 3% thành công (Hoàng Giang, 2020).

Chính sách tài chính được xem là quan trọng trong khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, mang lại sự đột phá nhằm phát huy lợi thế của vùng miền, tạo việc làm, chuyển biến nhanh về thu nhập, đời sống cho phụ nữ. Tuy nhiên, mức độ tiếp cận quy định hỗ trợ của doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp khá hạn hẹp. Phụ nữ khởi nghiệp tiếp cận được nhiều nhất là chính sách giáo dục đào tạo (49,2%); tiếp cận được ít nhất là chính sách thương mại hóa kết quả nghiên cứu (13,1%), khả năng tiếp cận được chính sách tài chính của phụ nữ khởi nghiệp ở mức tương đối cao, chiếm 40,16% (UN Women, 2021). Bức tranh về chính sách hỗ trợ tài chính cho phụ nữ khởi nghiệp ở Việt Nam cho thấy mức hỗ trợ còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu nguồn vốn hỗ trợ; công tác giải ngân chậm; công tác chỉ đạo điều hành, triển khai còn nhiều lúng túng, trông chờ nguồn lực đầu tư bổ sung từ ngân sách trung ương; quy định hỗ trợ chưa có tính nhạy cảm giới về lĩnh vực tài chính.

Chính sách tài chính đã bước đầu tạo chuyển biến nhất định về khởi nghiệp cho phụ nữ; công tác thực thi chính sách tài chính tương đối toàn diện, góp phần giảm bớt những trở ngại cho doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp; việc thực hiện giám sát chính sách tốt và khá đầy đủ. Tuy nhiên, các vấn đề về sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, hoạt động trong thực tiễn của doanh nghiệp này không phát huy hiệu quả của chính sách tài chính hỗ trợ. Các chính sách hỗ trợ chưa phát huy được tác dụng do quy mô nhỏ, lẻ, chủ yếu giải quyết vấn đề nhỏ, trước mắt. Chính sách, định mức, nội dung hỗ trợ còn nhiều bất cập trong thực tiễn; việc triển khai hỗ trợ chưa hiệu quả, cơ sở vật chất thiếu thốn, lạc hậu. Chính sách tài chính hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập không được thực hiện đầy đủ, một số chính sách chưa được triển khai hoặc triển khai rất hạn chế, chỉ ở mức thí điểm (UN Women, 2021). Chính sách đối với doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp vẫn chưa đáng kể hoặc chưa đủ cụ thể, văn bản hướng dẫn thực hiện chưa mang tính hỗ trợ giới cao. Tuy có cơ chế chính sách hỗ trợ, song lại có chính sách đặc thù liên quan đến việc phải hướng dẫn thực hiện từ đầu, các địa phương khó kết nối các nội dung trong quá trình thực hiện.

Vũ Văn Ninh & Phạm Thị Thanh Hòa (2017), Phạm Đức Anh (2021) chỉ ra rằng đối tượng được hưởng ưu đãi thuế quy định chưa được rõ ràng, chưa có ưu đãi về thuế suất, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; chưa có chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm; chưa có ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân cho nhà đầu tư, nhân lực chất lượng cao tại doanh nghiệp khởi nghiệp. Doanh nghiệp khởi nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn tín dụng, khoản vay ưu đãi về lãi suất. Trong khi, những ý tưởng về khởi nghiệp của phụ nữ luôn có xu hướng gia tăng theo sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, cũng như nhu cầu của thị trường và xã hội. Để những ý tưởng này sớm được đưa vào thực tế, chính sách tài chính cho doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp cần đi trước một bước, cần được thúc đẩy hơn nữa, cần có những giải pháp đồng bộ, tạo môi trường thuận lợi cho phụ nữ khởi nghiệp. Bài viết nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng chính sách tài chính hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp góp phần thực hiện Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025” và khuyến nghị một số điểm hàm ý chính sách.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Chính sách tài chính

Lý thuyết vòng đời là mô hình được ứng dụng khá rộng rãi để nghiên cứu yếu tố quyết định cấu trúc vốn doanh nghiệp khởi nghiệp (Berger & Udell, 1998). Nhu cầu tài chính và sự tiếp cận nguồn vốn thay đổi khi

doanh nghiệp lớn lên, thu được nhiều kinh nghiệm hơn, minh bạch hơn về mặt thông tin. Doanh nghiệp mới thành lập phải dựa nhiều vào nguồn tài trợ nội tại, tín dụng thương mại và vốn của nhà đầu tư thiên thần. Khi doanh nghiệp phát triển, nguồn tài trợ có thể được tiếp cận dễ dàng hơn từ các quỹ đầu tư mạo hiểm và trung gian tài chính. Thậm chí, doanh nghiệp có thể huy động vốn từ công chúng thông qua phát hành cổ phiếu lần đầu. Theo Söderblom & Samuelsson (2014), nguồn vốn tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp được chia thành: Nguồn vốn bên trong (vốn tự có, vốn từ gia đình và bạn bè); Nguồn vốn bên ngoài đến từ nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm, trung gian tài chính hay chủ thể hỗ trợ khác,... Nhìn chung, trong hệ sinh thái khởi nghiệp, nguồn lực tài chính được xem là điều kiện tiên quyết quan trọng nhất, đảm bảo cho doanh nghiệp khởi nghiệp duy trì hoạt động và phát triển (Đào Thị Thu Giang & cộng sự, 2019; Nguyễn Thành Long, 2020). Chính sách tài chính bao gồm: chính sách thuế, tín dụng - lãi suất, các quỹ khởi nghiệp nhằm hỗ trợ về mặt tài chính đối với doanh nghiệp khởi nghiệp.

2.2. Khởi nghiệp

Drucker (1985), Gorman & cộng sự (1997) cho rằng khởi nghiệp là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, gắn với nhiều doanh nghiệp mới được thành lập, cùng với đó là các công việc mới được tạo ra và thu nhập, đời sống của người dân ngày càng tốt hơn. Khởi nghiệp giúp nâng cao năng lực đổi mới, năng lực cạnh tranh và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế ở nhiều quốc gia (Thurik & Wennekers, 2004). Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo góp phần tạo thêm công ăn việc làm cho xã hội, giảm bớt tỉ lệ thất nghiệp ở nhiều quốc gia. Đồng quan điểm đó, Nafukho & Helen Muiya (2010) chứng minh rằng khởi nghiệp là điều sống còn trong việc tạo ra, hoàn thiện một nền kinh tế khỏe mạnh.

2.3. Tổng quan nghiên cứu

Một số nghiên cứu xây dựng bộ khung về chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, trong đó có giải pháp hỗ trợ tiếp cận tài chính: Tăng cường tiếp cận dịch vụ tài chính; Đẩy mạnh tài trợ cho đổi mới công nghệ; Nâng cao năng lực cho tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính để phục vụ khởi nghiệp; cung cấp chương trình đào tạo về tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp (Chương trình Đối tác đổi mới sáng tạo Việt Nam, Phần Lan Giai đoạn II - IPP2, 2018). Có công trình nghiên cứu cả định tính, định lượng về chính sách tài chính nhưng chủ yếu đề cập đến chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa đề cập chính sách tài chính hỗ trợ cho phụ nữ khởi nghiệp. Một số nghiên cứu khác chỉ đi sâu vào một nội dung cụ thể của chính sách tài chính, nghiên cứu riêng biệt về từng nội dung của chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp như chính sách thuế; chính sách tín dụng. Các công trình đã tập trung đánh giá, đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính đối với doanh nghiệp khởi nghiệp, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển (Vũ Văn Ninh & Phạm Thị Thanh Hòa, 2016; Lê Minh Hương, 2017; Đỗ Thị Thục & Nguyễn Quốc Bình, 2019; Nguyễn Văn Dân & Trần Thị Thu Nhung, 2019; Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, 2021; ...). Một số công trình khoa học phân tích, đánh giá chính sách từ nhiều góc độ khác nhau, phát hiện điểm mạnh, điểm yếu của chính sách để phục vụ cho mục đích sử dụng khác nhau, đo lường chính sách dựa trên sự hình thành nguồn vốn, thúc đẩy tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp, ưu đãi đặc biệt về tài chính dành cho đối tượng khởi nghiệp (Hoàng Thị Hải Yến, 2017; World bank, 2020; Vũ Thị Nhài, 2022). Tuy nhiên chính sách hỗ trợ tiếp cận tài chính cho khởi nghiệp chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Có 77,78% doanh nghiệp tham gia khảo sát đánh giá chính sách về tiếp cận tài chính cho khởi nghiệp góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính của họ nhưng chính sách về tiếp cận tài chính của Nhà nước chưa chú trọng vào việc tài trợ đổi mới công nghệ (35,36%), chưa hỗ trợ quá trình đào tạo tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp (43,94%). Đáng chú ý, 56,57% doanh nghiệp chấp nhận chính sách về nâng cao năng lực của tổ chức tài chính (Nguyễn Hoàng Quy, 2017). Quy định hỗ trợ doanh nghiệp chưa nhạy cảm giới về tài chính; thiếu phân tích định lượng cơ sở ban đầu, phân tích mức độ nhạy cảm giới khi ban hành chính sách mới (UN women, 2021). Đây là nội dung cần tiếp tục hoàn thiện, là khoảng trống để nghiên cứu về chính sách tài chính hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tài liệu, rà soát các văn bản chính sách, luật pháp về tài chính hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tập trung vào Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”, Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”, Nghị quyết hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Chuyển giao công nghệ. Trên cơ sở nghiên cứu về mạng lưới phụ nữ khởi nghiệp và sự phân bố doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác do phụ nữ khởi nghiệp theo khu vực địa lý, nhóm nghiên

cứ lựa chọn phương pháp “chọn mẫu chùm kết hợp với mẫu ngẫu nhiên hệ thống” để khảo sát trực tiếp, qua điện thoại, qua google form 132 phụ nữ khởi nghiệp tại 19 tỉnh/thành phố¹ trong tháng 9 năm 2021, kết hợp phỏng vấn sâu phụ nữ khởi nghiệp hưởng lợi chính sách hỗ trợ tài chính tại 6 tỉnh/thành phố² và tọa đàm, hội thảo tại 3 tỉnh/thành phố³ với các chuyên gia, nhà hoạch định và thực thi chính sách liên quan đến hoạt động khởi nghiệp của phụ nữ: Ngân hàng chính sách xã hội, Chi cục thuế, Bảo hiểm xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa Thông tin, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Liên đoàn lao động, Hội Liên hiệp phụ nữ.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng phụ nữ khởi nghiệp

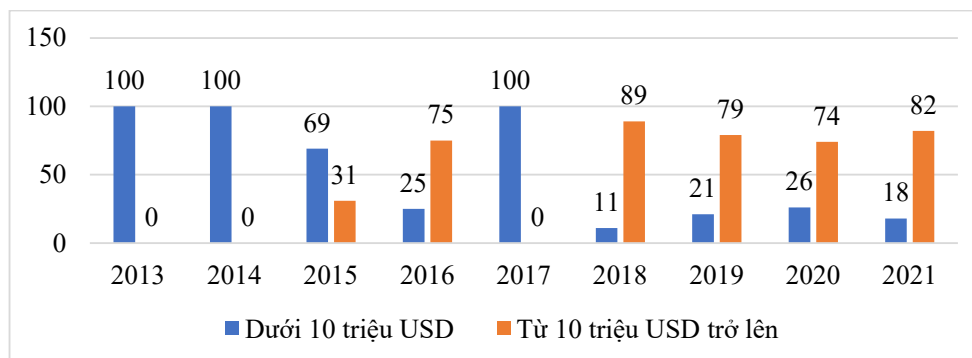
Việt Nam đang nổi lên như một nền kinh tế với tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ, trong đó tỷ lệ khởi nghiệp của phụ nữ nhiều năm gần đây không thua kém nam giới. Tính đến cuối năm 2020, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chiếm khoảng 30% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động. Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam có cải thiện nhanh trong giai đoạn 2011-2018 nhưng lại giảm trong năm 2019, 2020 và chưa đạt được mục tiêu đề ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Trong 5 năm thực hiện Đề án 939, có 74.498 ý tưởng kinh doanh của phụ nữ, 50.000 phụ nữ khởi sự kinh doanh, 50.665 doanh nghiệp của phụ nữ mới thành lập được tư vấn, hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển doanh nghiệp, số vốn hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp lên đến 316,049 tỷ đồng (Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2022).

4.2. Thực trạng một số chính sách tài chính hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp

4.2.1. Chính sách tín dụng đối với phụ nữ khởi nghiệp

Chính sách về hỗ trợ, đầu tư cho khởi nghiệp được ban hành gắn với thực hiện chủ trương khuyến khích khởi nghiệp: Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 38/2018/NĐ-CP; Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (Quyết định 601/QĐ-TTg và Nghị định 39/2019/NĐ-CP); Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị định 34/2018/NĐ-CP). Chính sách tiếp cận tín dụng có Quyết định 1726/QĐ-TTg Phê duyệt “Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế”; Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Quyết định 844/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”,... Các chính sách tài chính hỗ trợ trực tiếp cho phụ nữ khởi nghiệp gắn với Quyết định 939 và Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, quy định này mới chỉ mang tính “dẫn đường” cho hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam, phản ánh cơ chế cấp tín dụng đối với doanh nghiệp khởi nghiệp nói chung mà chưa có chính sách đặc thù riêng cho phụ nữ khởi nghiệp. Hành lang pháp lý, chính sách tài chính cho hoạt động khởi nghiệp chưa đầy đủ, còn thiếu quy định đặc thù cho hoạt động khởi nghiệp như huy động vốn cộng đồng, vốn đối ứng từ Nhà nước cho các quỹ đầu tư tư nhân.

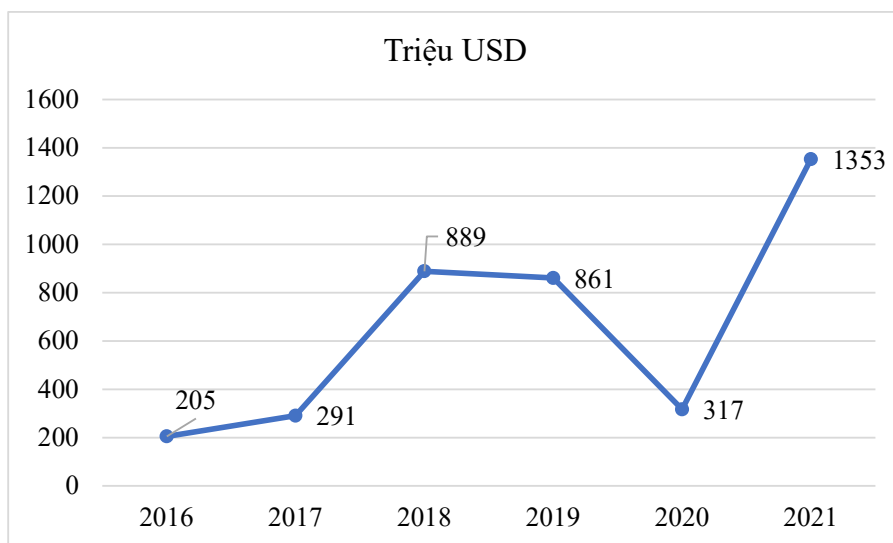
Hình 1: Số lượng thương vụ đầu tư cho start-up Việt giai đoạn 2013-2021



Nguồn: NIC (2021).

Vốn đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam năm 2021 đạt 1.353 triệu USD, tăng trưởng mạnh so với những năm trước đó. Lĩnh vực mang tính sáng tạo, giá trị thặng dư cao, có khả năng tăng trưởng đột phá nếu thành công thường thu hút vốn lớn như công nghệ tài chính, thương mại điện tử, truyền thông, game,... Sự tăng trưởng mạnh mẽ này được đánh giá là thành công bước đầu của phong trào quốc gia khởi nghiệp.

Hình 2: Vốn đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp (triệu USD)



Nguồn: Bộ Khoa học và Công nghệ (2022).

Tuy nhiên, phụ nữ khởi nghiệp thường không dễ tiếp cận chính sách tín dụng do doanh nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ, nguồn vốn nội sinh ít, tài sản thế chấp vay ngân hàng hầu như không có. Phần lớn là doanh nghiệp mới thành lập, muốn hiện thực hóa ý tưởng khai thác trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới nên việc xếp hạng tín dụng áp dụng trong trường hợp này không đáp ứng được các tiêu chí, do đó, cơ hội tiếp cận đối với nguồn vốn tín dụng của ngân hàng thương mại rất hạn chế. Mặt khác, do bản thân hoạt động của doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp tiềm ẩn rủi ro cao, việc tiếp cận vốn thông qua kênh truyền thống là bài toán khó. Ở Việt Nam, có đến 30% doanh nghiệp không thể tiếp cận và 30% doanh nghiệp khó tiếp cận với nguồn vốn của ngân hàng (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ - VCCI & USAID, 2017). Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng nhưng kết quả cho vay còn khiêm tốn, tỷ lệ dư nợ cho vay trung bình chỉ đạt khoảng 25% tổng dư nợ cho vay toàn bộ nền kinh tế. Quy định hỗ trợ chưa có tính nhạy cảm giới về lĩnh vực tài chính. Kinh phí hỗ trợ chưa thể hiện được chính sách ưu tiên cho phụ nữ. Vốn tài trợ không hoàn lại ở Việt Nam luôn dành cho doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ; rất ít chương trình tài trợ dành cho doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp sáng tạo. Đây là rào cản với doanh nhân nữ - người có xu hướng đầu tư kinh doanh nhỏ hoặc ngành nghề có tính chất liên quan đến nữ giới nhiều mà khó đáp ứng các tiêu chí. Ngoài ra, nhận thức của một số cán bộ thực hiện ở địa phương chưa đầy đủ về chương trình hỗ trợ, chưa quan tâm đúng mức và chưa cân đối nguồn kinh phí hợp lý cho chính sách hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp.

Vấn đề cần được tập trung giải quyết là (i) hỗ trợ vốn đối với doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp giúp họ có thể tiếp cận vốn nhanh chóng, kịp thời từ nguồn hỗ trợ tín dụng hay quỹ của nhà nước và tiếp tục kiên trì phát triển kênh dẫn vốn cho thuê tài chính hay việc đi thuê tài chính từ phía doanh nghiệp; (ii) đầu tư vốn cho doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp: cần tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để thu hút nhà đầu tư cho phụ nữ khởi nghiệp. Khuyến khích thành lập công ty đầu tư, quỹ đầu tư cho phụ nữ khởi nghiệp. Thiết lập mạng lưới nhà đầu tư thiên thần, hướng tới nhiều thương vụ gọi vốn thành công hơn; (iii) nghiên cứu thiết lập thị trường vốn dành riêng cho doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp, tuy nhiên cần có quy định cụ thể nhằm hạn chế rủi ro của thị trường.

4.2.2. Chính sách thuế đối với phụ nữ khởi nghiệp

Hiện nay, chưa có một chính sách thuế đặc thù đối với doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp. Trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ quy định về việc hỗ trợ thuế, kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng chưa có quy định nào cụ thể hóa luật dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp. Mặc dù vậy, đã có một số quy định mà doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp có thể áp dụng:

Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp đối với doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư: Thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm đối với thu nhập doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các

lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước; cầu, đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng quyết định. Doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên phần thu nhập từ chuyển giao công nghệ.

Miễn thuế đối với một số khoản thu nhập: Thu nhập nhận được từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ được miễn thuế trong thời gian thực hiện hợp đồng (tối đa không quá 03 năm); Thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ khoa học công nghệ được miễn thuế tối đa không quá 05 năm; Thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian thử nghiệm.

Cho phép doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp. Ngoài ra, chính sách thuế cũng được áp dụng đối với nhà đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp.

Hiện nay vẫn còn tồn tại, vướng mắc trong quá trình tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển như: *Thứ nhất*, chính sách thuế chưa có sự phân biệt theo hướng dành ưu đãi cao hơn cho doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp. Hiện nay, doanh nghiệp khởi nghiệp áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông 20% như doanh nghiệp khác. Việc ưu đãi thuế suất 10% hay miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động thuộc một số ngành nghề, lĩnh vực được ưu đãi cũng giống như bất kỳ doanh nghiệp nào mới thành lập từ dự án đầu tư mới. *Thứ hai*, hiện chưa có quy định chính sách thuế phân biệt đối với nhà đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp khi chuyển nhượng vốn. Chính sách thuế hiện quy định đánh thuế đối với từng lần chuyển nhượng vốn, từng lần chuyển nhượng chứng khoán đối với việc đầu tư vào bất kỳ doanh nghiệp nào sau đó chuyển nhượng vốn. Việc đầu tư vào doanh nghiệp này có độ rủi ro cao, chính sách thuế chưa cho phép nhà đầu tư thực hiện biện pháp bù trừ lỗ. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến việc thu hút vốn đầu tư của nhà đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp. Hơn nữa, quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với nhà đầu tư cá nhân cho hoạt động khởi nghiệp cũng vẫn áp dụng quy định chung cho cá nhân có thu nhập. *Thứ ba*, cơ chế chính sách đặc thù cho vườn ươm doanh nghiệp mới đang trong giai đoạn áp dụng thí điểm, chưa áp dụng mở rộng cho mọi đối tượng.

4.3. Đánh giá cảm nhận của phụ nữ khởi nghiệp về chính sách tài chính

Khả năng tiếp cận nguồn vốn và ưu đãi còn hạn chế: 40,2% phụ nữ khởi nghiệp tham gia khảo sát cho biết họ thực sự gặp khó khăn khi tiếp cận và chỉ có 39,3% hài lòng về chính sách tài chính. Sự hỗ trợ quá ít, quy trình thủ tục phức tạp, không đủ hấp dẫn để họ nộp hồ sơ nhận hỗ trợ. Bên cạnh đó 35,2% phụ nữ khởi nghiệp cho biết việc “bồi dưỡng” cho cán bộ ngân hàng, tổ chức tín dụng để vay được vốn là phổ biến. 41% phụ nữ khởi nghiệp tham gia khảo sát cho rằng: Doanh nghiệp không thể vay vốn nếu không có tài sản thế chấp. Một phụ nữ khởi nghiệp cho biết: “Doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn để đầu tư xây dựng nhà xưởng, theo Nghị định 57 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, dự án xây dựng nhà máy sản xuất thực phẩm từ dược liệu của công ty được hỗ trợ vốn, ưu đãi vốn vay để thực hiện nhưng tôi không tiếp cận được”. Nhiều ngân hàng, tổ chức tín dụng áp đặt điều kiện tín dụng bất lợi (điều chỉnh lãi suất, điều kiện cho vay,...). Bên cạnh đó, có phụ nữ khởi nghiệp khẳng định: “khó khăn khi hỗ trợ xây dựng lán nấp và lò hấp do mô hình còn nhỏ lẻ” hoặc “không tiếp cận được nguồn vốn vay do hợp tác xã không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, “thực sự khó tiếp cận do khâu định giá khó, lãi suất cao”. Phụ nữ khởi nghiệp tham gia khảo sát cho biết xoay quanh chính sách tài chính là: (i) Điều kiện quá khó để được xét duyệt, không có tài sản thế chấp, tiếp cận chương trình đầu tư chậm do ứng dụng công nghệ thông tin hạn chế; (ii) Chưa nắm rõ nguồn vay ưu đãi, không rõ về chính sách vay, chính sách tài chính chưa được phổ biến rộng rãi nên doanh nghiệp chưa nắm bắt được đầy đủ; (iii) Chưa được đào tạo về việc tiếp cận và thụ hưởng chính sách; (iv) Thủ tục rườm rà, lãi suất cao.

Mức hỗ trợ còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu nguồn vốn hỗ trợ: Kinh phí cấp để thực hiện nội dung chính sách được duyệt mới chỉ đạt 30%, chưa đáp ứng được nhu cầu nguồn vốn hỗ trợ nên nhiều nội dung

chưa được triển khai. Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung cho địa bàn nghèo còn thấp so với nhu cầu vốn thực tế nên mới chỉ tập trung thực hiện hỗ trợ một phần nhỏ. Do vậy, phụ nữ khởi nghiệp rất mong “nhà nước bố trí đủ nguồn vốn thực hiện việc hỗ trợ khởi nghiệp, thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp sáng tạo, hiệu quả”. Nhờ sự giúp đỡ của cộng đồng, phụ nữ khởi nghiệp hoàn thành ý tưởng khi không có tiền để thực hiện dự án của mình. Quỹ bảo lãnh tín dụng, quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa đều là những sáng kiến hữu ích nhưng lại ít được sử dụng. Phụ nữ khởi nghiệp chia sẻ: “ít biết tới Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và quy trình phê duyệt lâu, hơn nữa chỉ những phụ nữ khởi nghiệp doanh nghiệp nhỏ và vừa mới có cơ hội tiếp cận, thụ hưởng”.

Công tác giải ngân chậm: Qua thực tế khảo sát, phụ nữ khởi nghiệp cho hay vẫn còn hiện tượng: “Cán bộ ngân hàng cố tình bắt lỗi, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ” hay “chính sách hỗ trợ của nhà nước là đúng nhưng đề tiếp cận, giải quyết chính sách chưa kịp thời”.

Phụ nữ khởi nghiệp mong muốn nâng cao định mức cho phù hợp, điều chỉnh, bổ sung một số chính sách: (i) Điều chỉnh định mức hỗ trợ tăng lên phù hợp với yêu cầu thực tế, điều kiện cân đối ngân sách nhà nước; (ii) Bổ sung chính sách vay vốn, xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất kinh doanh kết hợp để phụ nữ khởi nghiệp, nhất là phụ nữ yếu thế có nguồn thu nhập ổn định, bền vững từ hoạt động khởi nghiệp; (iii) Tăng định mức, thời gian hỗ trợ một lần (giống, phân bón) để phụ nữ nghèo kịp chuyển đổi nhận thức và bảo toàn vốn cho những năm tiếp theo; ưu tiên đối với sản phẩm, dịch vụ có thị trường tiêu thụ, có giá trị cao phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương. Số lần hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất, hoặc 2-3 vụ để phụ nữ làm quen, thành thạo trong sản xuất và đi kèm với những điều kiện nhất định để phụ nữ không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ; (iv) Nâng mức hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất như làm chuồng trại chăn nuôi; trồng cỏ chăn nuôi; khai hoang ruộng, tạo ruộng bậc thang, phục hóa cho phù hợp với giá cả biến động thị trường,...; (v) Nâng mức vay tín chấp, lãi suất 0% có thể từ 10-15 triệu đồng trong 2-3 năm; hỗ trợ một phần lãi suất cho phụ nữ nghèo, cận nghèo khởi nghiệp vay vốn sản xuất kinh doanh.

4.4. Khuyến nghị chính sách

Việt Nam cần thường xuyên rà soát, tổng hợp đề xuất sửa đổi hoặc xây dựng mới văn bản quy phạm pháp luật để vừa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, vừa hỗ trợ hiệu quả cho phụ nữ khởi nghiệp. Từ thực trạng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp ở Việt Nam cũng như tham chiếu kinh nghiệm các quốc gia cho thấy, để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp, chính sách tài chính cần tập trung vào thời hạn ưu đãi, chính sách hỗ trợ tín dụng.

Chính phủ cần chỉ đạo bộ, ngành có liên quan tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý để tạo môi trường thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp hoạt động và phát triển. Hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cần được đẩy mạnh, tạo điều kiện thuận lợi để họ tiếp cận nguồn vốn dễ dàng, nhanh chóng, hiệu quả.

Quy định cụ thể đối tượng với mức thuế suất phù hợp.

Với doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp: ưu đãi thuế cần có thời hạn, kết hợp các tiêu chí doanh thu và thời gian trong thiết kế chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (cần kết hợp với điều kiện khác như lĩnh vực đầu tư, điều kiện trở thành doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp); xem xét miễn/hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp theo lộ trình, phù hợp với từng giai đoạn phát triển (miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tập trung trong giai đoạn đầu hoạt động, sau đó áp dụng mức thuế suất ưu đãi thấp hơn mức thuế suất phổ thông hiện hành). Việc miễn/giảm thuế thu nhập cần chú trọng vào lương, thưởng nhận được từ việc nghiên cứu, phát triển của doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp nhằm tạo động lực nghiên cứu, nâng cao năng suất.

Với người lao động trong các doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp: bổ sung chính sách ưu đãi thuế thu nhập cá nhân.

Với nhà đầu tư, quỹ đầu tư, cơ sở ươm tạo, cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp: miễn/giảm thuế thu nhập cá nhân đối với phần thu nhập phát sinh khi nhà đầu tư mạo hiểm kết thúc thương vụ đầu tư, miễn thuế trong trường hợp đầu tư tại thời điểm doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp chưa có lợi nhuận tính thuế với khoản thu nhập từ thặng dư vốn đầu tư, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn tại doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp của nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư thiên thần trong lĩnh vực khuyến khích phát triển (công nghệ nano,...) mang tính chất động lực chính, dẫn dắt nền kinh tế trong bối cảnh mới.

Quỹ bảo lãnh cần xem xét lại điều kiện vay vốn đối với doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp, bổ sung quy định cho vay dựa trên xếp hạng tín dụng hoặc tín nhiệm cá nhân, nới lỏng điều kiện liên quan đến tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu; tập trung vào giai đoạn đầu thành lập nhằm giải quyết bài toán về vốn (Chính phủ đứng ra bảo lãnh tín dụng đi kèm các cam kết về sử dụng khoản vay, vốn đối ứng tối thiểu). Cụ thể hóa cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập, vận hành, bảo đảm điều kiện để cho các quỹ chính thức đi vào hoạt động: Quỹ hỗ trợ cho giai đoạn đầu khởi nghiệp như Quỹ sáng kiến giai đoạn đầu, Quỹ đầu tư khởi nghiệp, Quỹ đầu tư mạo hiểm theo mô hình hợp tác công tư. Hỗ trợ chương trình bảo lãnh, quỹ cho vay đặc biệt cho doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp không có tài sản thế chấp, thiếu lịch sử tín dụng có thể tiếp cận được vốn vay. Nhà nước tham gia góp vốn hình thành Quỹ khởi nghiệp tối đa 30%. Ban hành quy định về mô hình gọi vốn cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của cộng đồng khởi nghiệp theo hướng tạo khung pháp lý để quản lý chặt chẽ, khuyến khích hình thức gọi vốn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư tư nhân tham gia, giảm thiểu rủi ro cho đầu tư khởi nghiệp.

Bên cạnh đó, tiếp tục hoàn thiện, thay đổi tư duy về hệ sinh thái khởi nghiệp, coi trọng phát triển năng lực cho bên liên quan để tạo ra thay đổi tư duy, đảm bảo tính bền vững sau hỗ trợ tài chính. Kết hợp hỗ trợ tài chính với hỗ trợ mềm giúp doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp cải thiện việc vận hành, hoạt động kinh doanh; giúp Chính phủ quản lý vốn tài trợ tốt hơn, giảm nguy cơ đơn vị thụ hưởng sử dụng sai mục đích nguồn vốn tài trợ.

5. Kết luận

Nhận thức rõ về vai trò quan trọng của doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, một số chính sách tài chính hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp đã được ban hành và triển khai thực hiện, bước đầu đã phát huy hiệu quả, góp phần hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp ở Việt Nam. Tuy nhiên, những kết quả đó còn nhỏ bé so với mục tiêu phát triển doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp. Hơn bao giờ hết, việc thực hiện chính sách tài chính hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển các doanh nghiệp này để nâng cao năng lực cạnh tranh là hết sức cần thiết. Do đó, nhóm tác giả đã mạnh dạn đề xuất khuyến nghị hàm ý chính sách nhằm hoàn thiện chính sách thuế, chính sách tín dụng để hỗ trợ tốt hơn nữa cho sự phát triển của doanh nghiệp do phụ nữ khởi nghiệp trong tương lai.

Ghi chú:

1. Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Phú Thọ, Hà Nội, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Kom Tum, Gia Lai, Lâm Đồng, Phú Yên, Đồng Nai, Long An, Tây Ninh, Cần Thơ.
2. Hà Nội, Lào Cai, Hòa Bình, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Long An.
3. Hà Nội, Lào Cai, Hòa Bình.

Tài liệu tham khảo:

- Berger, A.N. & Udell, G.F. (1998), 'The economic chính sách of small business finance: The roles of private equity and debt markets in the financial growth cycle', *Journal of Banking & Finance*, 22(6-8), 613-673.
- Bộ Khoa học và Công nghệ (2022), *Báo cáo về vốn khởi nghiệp*, Hà Nội.
- Drucker, P. (1985), *Innovation and entrepreneurship: practice and principles*, HarperCollins, New York.
- Đào Thị Thu Giang, Nguyễn Thuý Anh & Cao Đình Kiên (2019), 'Hỗ trợ tài chính để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kinh nghiệm từ Hàn Quốc', *Tạp chí Khoa học Thương mại*, 136, 63-72.
- Đỗ Thị Thục & Nguyễn Quốc Bình (2019), 'Chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách', Đề tài, Học viện tài chính.
- Gorman, G., Hanlon, D. & King, W. (1997), 'Some research perspectives on entrepreneurship education, enterprise education and education for small business management: A ten-year literature review', *International Small Business Journal*, 15, 56-77.

-
- Hoàng Giang (2020), 'Nâng tầm hệ sinh thái khởi nghiệp từ những chính sách kiến tạo của Chính phủ', *Báo điện tử Chính phủ*, truy cập ngày 1 tháng 9 năm 2022, từ <<https://baochinhphu.vn/>>.
- Hoàng Thị Hải Yến (2017), 'Xây dựng hệ tiêu chí đánh giá chính sách thúc đẩy khởi nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa', *Tạp chí Khoa học đại học quốc gia Hà Nội*, 33(3), 72-93.
- Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2022), *Báo cáo Kết quả sơ kết 5 năm Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025"*, Hà Nội.
- IPP2 (2018), *Tài liệu thảo luận chính sách cơ chế tài chính hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo*, Hà Nội.
- Lê Minh Hương (2017), 'Chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp: Kinh nghiệm một số nước và gợi ý cho Việt Nam', *Tạp chí Quản lý Ngân quỹ Quốc gia*, 176.
- Nafukho, F.M. & Helen Muyia, M.A. (2010), 'Entrepreneurship and socioeconomic development in Africa: a reality or myth?', *Journal of European Industrial Training*, 34(2), 96-109.
- Nguyễn Hoàng Quy (2017), 'Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp: Thực trạng và giải pháp', *Tạp chí Công Thương*, 4+5, 306-312.
- Nguyễn Thành Long (2020), 'Thị trường vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt Nam: Thực trạng và mô hình', *Tạp chí tài chính*, 1(5), 6-9.
- Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2021), 'Chính sách tài chính phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam', *Tạp chí tài chính*, 1(5), 53-55.
- Nguyễn Văn Dân & Trần Thị Thu Nhung (2019), 'Huy động nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp của Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách', Đề tài, Học viện tài chính.
- NIC (2021), *Báo cáo hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam*, Hà Nội.
- Phạm Đức Anh (2021), 'Giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam', Đề tài, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Söderblom, A. & Samuelsson, M. (2014), 'Sources of capital for innovative startup firms: an empirical study of the Swedish situation', *Entreprenörskapsforum*, 9, 15-39.
- Thurik, R. & Wennekers, S. (2004), 'Entrepreneurship, small business and economic growth', *Journal of Small Business and Enterprise Development*, 11(1), 140-149.
- UN Women (2021), *Báo cáo chính sách hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp ở Việt Nam*, Hà Nội.
- VCCI & USAID (2017), *Việt Nam - Đất lành cho khởi nghiệp: Tại sao không?*, Hà Nội.
- Vũ Thị Nhài (2022), 'Một số chính sách tài chính hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam', *Tạp chí Công Thương*, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 10 năm 2022, từ <<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/mot-so-chinh-sach-tai-chinh-ho-tro-cac-doanh-nghiep-khoi-nghiep-sang-tao-tai-viet-nam-89498.htm>>.
- Vũ Văn Ninh & Phạm Thị Thanh Hòa (2016), 'Chính sách tài chính đối với doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt Nam', Đề tài, Học viện tài chính.
- World Bank (2020), *Women, Business and The Law*, Washington, DC.